

Bản án số: 168/2025/HC- PT

Ngày: 24 - 3 - 2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
buộc thực hiện hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường

 ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Nhị Tứ, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 402/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, buộc thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 171/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 523/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1- *Người khởi kiện:* anh **Triệu Phúc T**, sinh năm 1989 và chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: **Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông **Phạm Hữu H**, sinh năm 1997; Địa chỉ: **Số E Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2- *Người bị kiện:* **Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông **Lê Đình C** – Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông **Nguyễn Thụ K** – Phó Giám đốc **Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị L1** – Phó Trưởng phòng Phòng Tư pháp huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày nội dung như sau:

Vợ chồng ông **Triệu Phúc T**, bà **Đặng Thị L** bị thu hồi diện tích 140,6m², thuộc thửa đất 02/90, địa chỉ **thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nằm trong diện tích đất bị thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng **đường C - Buôn M**. Ông **T**, bà **L** không đồng ý với Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của **UBND huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại dự án (viết tắt Quyết định 311) nêu trên. Bởi:

Nguồn gốc đất: Do gia đình ông **Hoàng Ngọc S** khai hoang từ năm 1993 và canh tác trồng hoa màu trên đất. Đến năm 2003, sang nhượng cho bố ông **T** là **Dương Trung H1**. Từ khi nhận chuyển nhượng ông **H1** trồng cây hàng năm như lạc, ngô, mì đến năm 2009 cho tặng ông **T**, bà **L** làm nhà, trồng cây ăn trái trên đất sinh sống ổn định đến nay không tranh chấp với ai, không bị cơ quan tổ chức nào ngăn cản, không bị xử phạt hành chính. Việc khai hoang và chuyển nhượng đất được gia đình ông **S** xác nhận, các hộ dân sinh sống xung quanh cùng thời kỳ làm chứng.

UBND huyện E cho rằng nguồn gốc đất do ông **T**, bà **L** tự ý lấn chiếm từ năm 2005 nên chỉ hỗ trợ về đất, cây trồng mức 50% với số tiền 109.639.979 đồng mà không giao đất tái định cư là không hợp lý.

Ông **T**, bà **L** khởi kiện yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của **UBND huyện E**, tỉnh **Đắk Lắk** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng **đường C - Buôn M**, giai đoạn 1.

Buộc **UBND huyện E** ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình anh **T**, bà **L** về bồi thường đất, tái định cư, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất theo quy định.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là **UBND**) **huyện E** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày có nội dung như sau:

I. Về trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất:

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M** giai đoạn 1; Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M** giai đoạn 1; Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của **UBND tỉnh Đ** về việc phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn Ma T1** giai đoạn 1;

Ngày 18/01/2023, **UBND huyện E** đã ban hành Thông báo số 05/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1, ngày 06/6/2023 **UBND huyện E** đã ban hành Thông báo số 32/TB-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội

dung tại Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng **đường C - Buôn M** giai đoạn 1.

Ngày 15/02/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện E** (Sau đây gọi tắt là Trung tâm) đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình tổ chức thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với hộ ông **Triệu Phúc T**.

Căn cứ kết quả thống kê, kiểm đếm và kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất tại Giấy xác nhận số 159/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của **UBND xã C** xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập các tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông **Triệu Phúc T** và các quy định của pháp luật. Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện E** lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Ngày 18/8/2023, Trung tâm tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M** giai đoạn 1. Phương án được công khai tại hội trường Thôn 6b và trụ sở **UBND xã C**. Cùng ngày, Trung tâm tổ chức đối thoại lấy ý kiến trực tiếp của các hộ gia đình, cá nhân về phương án 05 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có hộ ông **Triệu Phúc T**).

Ngày 07/9/2023, Trung tâm tổ chức kết thúc niêm yết công khai Phương án và đối thoại đối với các trường hợp có ý kiến không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 12/9/2023, Trung tâm đã có Phương án số 86/PA-TTPTQĐ Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M** giai đoạn 1 (Phương án 04 hộ gia đình, cá nhân).

Ngày 12/9/2023, các cơ quan Thẩm định **huyện E** đã tổ chức thẩm định Phương án số 86/PA-TTPTQĐ ngày 08/9/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất.

Ngày 15/9/2023, **Phòng T4** có Tờ trình số 949/TT- TNMT về việc đề nghị quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1. Cùng ngày 15/9/2023, **UBND huyện E** đã ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 và Quyết định số 332/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1, tại **xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của **UBND tỉnh Đ** về việc ban hành quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thu hồi đất, bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Việc **UBND huyện E, Phòng T4, Phòng T5, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng N, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E, UBND xã C** thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt Phê duyệt Phương án bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông **Triệu Phúc T** là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

II. Về căn cứ pháp lý lập Phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Nguồn gốc sử dụng đất:

Hộ ông **Triệu Phúc T** sử dụng 140,6m² đất thuộc phạm vi thu hồi. Tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 90 theo Trích lục bản đồ địa chính số 2080/TL-CNEK- KTĐC do Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện E** cấp ngày 26/4/2023.

Căn cứ Giấy xác nhận số 159/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của **UBND xã C** xác nhận: Hộ ông **Triệu Phúc T** lần chiếm, sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của **UBND tỉnh Đ** về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất **Công ty L6** giao cho **UBND huyện E** quản lý; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất đất nông nghiệp.

2. Bồi thường về đất:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Giấy xác nhận số 159/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của **UBND xã C** xác nhận: hộ ông **Triệu Phúc T** lần chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của **UBND tỉnh Đ** về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất **Công ty L6** giao cho **UBND huyện E** quản lý. Từ các căn cứ nêu trên thì toàn bộ diện tích thuộc phạm vi thu hồi của hộ ông **Triệu Phúc T** không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Hỗ trợ về đất:

Căn cứ khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**:

“Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

“c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất. ”

Căn cứ Giấy xác nhận số 139/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông Triệu Phúc T lần chiếm sử dụng đất từ năm 2005 nên được hỗ trợ theo điểm c khoản 2 Điều 20 về đất.

4. Hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc:

Về đơn giá tài sản, vật kiến trúc: Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Về mức hỗ trợ: Căn cứ điểm a và điểm b khoản 4 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Căn cứ vào kết quả xác định thời điểm của UBND xã C, thời điểm tạo lập tài sản của hộ ông T được tạo lập vào năm 2009, Xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất do đó được hỗ trợ 60% đối với nhà ở, tài sản vật kiến trúc gắn liền trên đất giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

5. Hỗ trợ khác về cây trồng:

Căn cứ khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Căn cứ Giấy xác nhận số 159/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông Triệu Phúc T lần chiếm sử dụng đất từ năm 2005 nên cây trồng được hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

Từ những căn cứ nêu trên và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Phúc T là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 171/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ: khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Triệu Phúc T**, bà **Đặng Thị L** đối với các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L**;

- Buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho gia đình anh **Triệu Phúc T** và chị **Đặng Thị L** về bồi thường đất, tái định cư, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 24-9-2024 ông **Phạm Hữu H**, là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện của người khởi kiện xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên kháng cáo. Tại đơn trình bày ngày 22-12-2024 của người kháng cáo cho rằng thửa đất mà ông **T** bị thu hồi làm đường cao tốc với diện tích 140,6m² thuộc thửa 02/90. Nguồn gốc là gia đình ông **S** khai phá từ năm 1993 và trồng hoa màu. Đến năm 2003 thì sang nhượng cho Bố ông **T** là ông **Dương Trung H1**. Năm 2008 ông **Hoàng Ngọc S** làm giấy sang nhượng đất cho ông **Triệu Phúc T**. Như vậy, diện tích đất thu hồi đã được sử dụng từ năm 1993, nên không bị thu hồi làm đường thì sẽ được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, nên được bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ ba, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo: bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, người kháng cáo không có tài liệu gì mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

Ông **T**, bà **L** yêu cầu hủy một phần Quyết định số 331 và buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định bồi thường về đất, tái định cư, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Do đó, Quyết định số 331 và buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định bồi thường về đất, tái định cư, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất theo quy định của

pháp luật là đối tượng khởi kiện của vụ án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Xem xét về nguồn gốc đất thu hồi:

Người khởi kiện cho rằng, diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc do ông Hoàng Ngọc S khai hoang năm 1993, đến năm 2003, ông S chuyển nhượng lại cho bố của ông T là ông Dương Trung H1, từ khi nhận chuyển nhượng ông H1 trồng cây hàng năm như lạc, ngô, mì đến năm 2009, ông H1 tặng cho vợ chồng ông T để làm nhà ở. Ông Thanh quản L2, sử dụng đất ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp, không bị xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, ông T, bà L không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Quá trình sử dụng đất từ ông S, ông H1 và cả ông T, bà L đều không cung cấp được việc kê khai đăng ký đất đai tại cơ quan có thẩm quyền.

Xét Đơn xin xác nhận về quá trình sử dụng đất do người khởi kiện cung cấp gồm: ông Triệu Phúc T, ông Lý Văn T2, ông Triệu Hoa V, ông Triệu Hữu L3, ông Triệu Phúc L4, bà Triệu Thị L5, ông Dương Trung H1, bà Lê Thị T3, ông Hoàng Văn M, ông Trương Công B, bà Triệu Mai H2, ông Đặng Văn C1 với cùng nội dung: “Tôi xác nhận quá trình sử dụng đất của ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L tại thôn F, xã C với vị trí phía trước giáp đường, các bên giáp đất của ông Triệu Phúc L4, ông Dương Trung H3 (thuộc thửa đất 02/90) như sau: Được ông Hoàng Ngọc S khai hoang từ năm 1993 và canh tác trồng hoa màu trên đất. Đến năm 2003 thì sang nhượng cho bố ông T là ông Dương Trung H1, ông H1 trồng cây hàng năm như lạc, ngô, mì cho đến năm 2009 thì cho ông T và bà L đến xây nhà vào năm 2009). Diện tích đất nêu trên canh tác ổn định, không tranh chấp với ai và không bị chính quyền ngăn cản”. Xét các đơn xác nhận trên, mặc dù có con dấu và chữ ký của đại diện Công an xã C, tuy nhiên, chỉ xác nhận việc những người làm đơn có HKTT tại thôn F, xã C, không xác nhận về nội dung của văn bản. Ngoài ra, những người trên đa phần cũng có đất bị thu hồi. Vì vậy, các đơn xác nhận trên không phải là các giấy tờ xác định thời điểm sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Ông T cho rằng thời điểm sử dụng đất là từ năm 2003 là không phù hợp vì tại Biên bản về việc thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất lập ngày 15/02/2023, tại mục IV. Ý kiến của thành viên tham gia, ông T, bà L xác định: “Thửa đất trên được bố là ông Dương Trung H1 tặng cho năm 2009 không có giấy tờ tặng cho. Hiện thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Vào thời điểm năm 2009, sau khi được bố là Dương Trung H1 cho tặng thì hộ gia đình tạo lập tài sản và nhà cửa đến năm 2021 thì hộ gia đình sửa sang lại một số vật, kiến trúc ... Ý kiến của ông T, bà L là phù hợp với thời điểm tạo lập tài sản, vật kiến trúc, cây trồng, hoa màu được liệt kê trong biên bản thống kê, kiểm đếm.

Căn cứ Kết quả xác nhận số 159/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của UBND xã C thể hiện: Nguồn gốc sử dụng đất: Lắm chiêm, sử dụng đất năm 2005, diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất

Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý, thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất. Như vậy, có nguồn gốc rõ ràng và do ông T, bà L lấn chiếm và sử dụng từ năm 2005 .

[3]. Xét kháng cáo về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất:

Xác định diện tích đất ông T, bà L bị thu hồi có nguồn gốc lấn chiếm và thời điểm sử dụng đất là từ năm 2005.

[3.1] Xét yêu cầu bồi thường về đất:

Tại khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

3. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng đất thuộc quy hoạch sử dụng đất cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thì Nhà nước thu hồi đất trước khi thực hiện dự án, công trình đó,

Người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng phải giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định;

b) Trường hợp đang sử dụng đất không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.”

Tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;

4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.”

Tại khoản 2 Điều 20 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định: “Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai.....thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giá đất, cụ thể như sau:

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q; ”

Như vậy, do thời điểm lấn chiếm đất của hộ ông Triệu Phúc T là năm 2005 nên việc UBND huyện E đã hỗ trợ cho hộ ông Triệu Phúc T 50% theo giá

đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ (Sau đây gọi tắt là Quyết định 14) ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Theo Kết quả xác nhận số 159/G5GM-UBND ngày 01/6/2023 của UBND xã C và theo Biên bản về việc thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất lập ngày 15/02/2023 thì mục đích sử dụng diện tích đất bị thu hồi của ông T, bà L là đất ở nông thôn (ONT). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì: “Trường hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai”, Căn cứ Quyết định thu hồi đất số 333/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND huyện E thì diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Triệu Phúc T là đất trồng cây hàng năm nên UBND huyện E áp dụng giá đất 22.000 đồng/m² là đúng quy định.

[3.2]. Xét yêu cầu bồi thường giá trị tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất:

Điểm a khoản 4 Điều 20 Quyết định 14 quy định:

“Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không đủ điều kiện bồi thường trừ các trường hợp tại điểm c khoản này thì được hỗ trợ như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới....

Điểm c khoản 5 Quyết định 14 quy định:

“Cây trồng không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành ”....

Như vậy, việc UBND huyện E hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành đối với tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất đối với hộ ông T, bà L là đúng quy định.

[4]. Đối với yêu cầu hỗ trợ tái định cư, thấy: xét Biên bản tạm bàn giao đất trên thực địa thể hiện: Ngày 24/11/2023, hộ ông Triệu Phúc T đã được giao thửa đất tạm số 174, tờ bản đồ số 31 tại thôn Y, xã C, huyện E để sử dụng vào mục đích đất ở. Như vậy, ông T đã được giải quyết về chỗ ở; do đó, ông T, bà L yêu cầu UBND huyện E hỗ trợ tái định cư là không phù hợp.

[5]. Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy bản án hành chính sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các yêu cầu khởi kiện, nhận định hợp lý các tài liệu chứng cứ và bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[6]. Về án phí:

Ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** (đại diện là ông **Phạm Hữ H4**) và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 171/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao- Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Long